

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST

Ngày 31 - 5 - 2023

V/v “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành
vi cản trở việc sử dụng đất & yêu cầu đòi
bồi thường thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC H, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông La Văn Việt
- Ông Nguyễn Lý Hùng

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức H, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức H, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 387/2023/TL-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh V, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972 (vắng mặt).

3.2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

3.3. Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An

3.4. Bà Võ Thị H, sinh năm 1939 (vắng mặt)

3.5. Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1935 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/4/2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày như sau:

Quyền sử dụng đất thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận bà được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 19/7/2007. Theo hệ thống bản đồ cũ thì thửa 41 hiện nay trước đây là thửa 114, thửa 19 hiện nay trước đây là thửa 82 tất cả thuộc tờ bản đồ 20 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà được UBND huyện Đức H cấp ngày 11/10/2009. Nguồn gốc đất bà được mẹ bà là bà Võ Thị H tặng cho theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND xã H chứng thực ngày 11/5/2009. Mục đích mẹ bà cho đất bà là để bà phụng dưỡng mẹ bà. Năm 2020, mẹ bà bệnh nặng cần tiền chữa trị nên bà có kêu người chuyển nhượng quyền sử dụng hai thửa đất này thì có bà Nguyễn Thị Ph nhà ở Ấp T, xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An đồng ý mua và bà Phụng có giao tiền cọc cho bà là 650.000.000 đồng hẹn 30 ngày sau ra công chứng sang tên. Gần đến ngày công chứng ông Trần Thanh V làm các biển ghi: “*Đất tranh chấp*” trồng khắp hai thửa đất của bà. Hơn nữa ông V làm đơn kiện không cho bà bán đất gửi đến UBND xã H ngày 13/01/2021 và mang biên nhận đến các phòng công chứng trên địa bàn thông báo đất tranh chấp và không cho công chứng chuyển nhượng. Từ đó bà Phụng khởi kiện bà ra Tòa đòi tiền cọc bà phải trả lại tiền cọc và chịu án phí. Xét thấy hành vi cản trở việc sử dụng đất của ông V và các thành viên gia đình ông V cắm biển ghi: “*Đất tranh chấp*” làm ảnh hưởng quyền lợi ích của bà, làm bà không có tiền chữa trị bệnh cho mẹ. Do đó bà khởi kiện yêu cầu:

1/ Công nhận quyền sử dụng đất thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của bà;

2/ Buộc ông Trần Thanh V cùng với vợ Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh T1 và Trần Thanh T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà tại các thửa đất thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An;

3/ Buộc ông Trần Thanh V phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà với số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) số tiền mà bà bỏ ra trả lại tiền cọc cho bà Nguyễn Thị Ph;

4/ Buộc ông Trần Thanh V cùng với vợ và các con tháo dỡ tất cả các biển ghi: “*Đất tranh chấp*” để bà thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa bà xin rút lại các yêu cầu:

1/ Công nhận quyền sử dụng đất thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của bà. Bởi vì quyền sử dụng đất của bà được cấp giấy đúng quy định và đúng đối tượng.

2/ Buộc ông Trần Thanh V phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà với số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) số tiền mà bà bỏ ra trả lại tiền cọc cho bà Nguyễn Thị Ph.

Bị đơn ông Trần Thanh V vắng mặt Tòa án có tiến hành lấy lời khai ông trình bày như sau:

Nguồn gốc các thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An hiện nay bà S đứng tên có nguồn gốc của ông bà ngoại của ông chết để lại cho mẹ của ông là bà Võ Thị H quản lý sử dụng. Mẹ ông bà H có giấy tay tương phân cho ông để ông quản lý sử dụng và không được bán. Mẹ ông tặng cho đất này với bà V ông không hề biết. Ông không đồng ý với toàn bộ ý kiến bà S vì bà S bán đất không thông qua ý kiến của ông. Ngoài ra ông không đến Tòa án trình bày thêm ý kiến gì mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Các bị đơn còn lại Nguyễn Thị K, Trần Thanh T và Trần Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày ý kiến: Nguồn gốc đất các thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An đúng là của cha mẹ bà chết để lại cho bà. Trước đây bà có chung sống với Trần Thanh V (con trai út) nhưng vợ chồng V không quan tâm chăm sóc bà nên bà đến nhà Trần Thị S sinh sống để S chăm sóc bà nên bà có tặng cho S hai thửa đất trên để S quản lý sử dụng nuôi dưỡng bà và chồng bà. Bà không có cho V hai thửa đất này. S đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua 02 lần. Nay S bán đất V cản trở nên không có tiền bà chữa trị bệnh nên bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà V theo quy định, bà xác định không có tranh chấp gì vì bà đã cho đất con bà tên S để S tự định đoạt. Đồng thời bà xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Tr trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Võ Thị H, ông không tranh chấp gì 02 thửa đất nói trên với bà Trần Thị S. Ông xin vắng mặt.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S. Bởi lẽ bà S đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguồn gốc do bà Võ Thị H tặng cho hợp pháp. Ông V cùng với vợ con tự ý cấm biển “*Đất có tranh chấp*” làm cản trở việc sử dụng đất của bà S trong việc chuyển nhượng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông V cùng các thành viên gia đình ông (vợ và các con) không được cản trở việc sử dụng đất của bà S. Đồng thời ông V và vợ con phải tháo dỡ toàn bộ các biển ghi “*Đất tranh chấp*” trên thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Đình chỉ yêu cầu của bà S đối với các yêu cầu:

1/ Công nhận quyền sử dụng đất thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của bà S.

2/ Buộc ông Trần Thanh V phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà S với số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) số tiền mà bà bỏ ra trả lại tiền cọc cho bà Nguyễn Thị Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*” là những tranh chấp được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Đức H, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đất tranh chấp tọa lạc tại Ấp T, xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức H, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Trần Thị S khởi kiện được xác định là nguyên đơn; ông Trần Thanh V, bà Nguyễn Thị K, Trần Thanh T và Trần Thanh T1 được xác định là bị đơn. Bà Võ Thị H, Trần Văn Tr được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tranh chấp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, quyền sử dụng đất không tính thời hiệu theo quy định Điều 155 và 429 Bộ luật dân sự 2015.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Chứng cứ được các bên xác định là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H và bà S, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S, biên bản thẩm định...

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 và Luật Đất đai năm 2013 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, H giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh V cùng với vợ và các con tên Nguyễn Thị K, Trần Thanh T1 và Trần Thanh T chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất của bà tại các thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An. Hội đồng xét xử thấy rằng: năm 2020, bà S có chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên và đã nhận cọc 650.000.000 đồng đến ngày công chứng hợp đồng chuyển nhượng ông V ngăn cản không cho bà S chuyển nhượng bằng các hình thức như gia đình ông cấm các biển có nội dung “*Đất tranh chấp*” làm cho người nhận chuyển nhượng hoang mang không muốn giao kết hợp đồng với bà S. Ngoài ra ông V còn làm đơn khởi kiện bà H và bà S đến xã không cho bán đất để tranh chấp nhưng không nộp đơn đến Tòa án giải quyết tranh chấp. Hành vi của ông V nêu trên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị S. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà S về việc buộc ông V và các thành viên gia đình ông V chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc bà S thực hiện việc sử dụng đất theo quy định theo quy định Điều 166 Luật đất đai 2013 và Điều 169 Bộ luật dân sự 2015 tại thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An là phù hợp.

[2.2]. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị S về việc yêu cầu ông Trần Thanh V và các thành viên gia đình ông phải tháo dỡ các biển có nội dung: “*Đất tranh chấp*” trên các thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích

2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Trần Thị S được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định và đúng đối tượng sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Khi bà S có nhu cầu thực hiện quyền chuyển nhượng nhưng ông V và các thành viên gia đình ông ngang nhiên mang các biển ghi có nội dung: “*Đất tranh chấp*” cắm trên các thửa đất nêu trên làm cho những người có nhu cầu nhận chuyển nhượng đất của bà S hoang mang không tự tin nhận chuyển nhượng và từ chối nhận chuyển nhượng là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà S được pháp luật bảo vệ. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà S về việc buộc ông V và các thành viên gia đình của ông V phải tháo dỡ toàn bộ các biển ghi có nội dung: “*Đất tranh chấp*” là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị S về việc rút lại các yêu cầu:

- Công nhận quyền sử dụng đất thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của bà. Bởi vì quyền sử dụng đất của bà được cấp giấy đúng quy định và đúng đối tượng.

- Buộc ông Trần Thanh V phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà với số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) số tiền mà bà bỏ ra trả lại tiền cọc cho bà Nguyễn Thị Phụng.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút đơn khởi kiện của bà S nói trên là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc nên cần đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4]. Bà Võ Thị H và ông Trần Văn Tr xác định không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[3]. Về chi phí thẩm định: Bà Trần Thị S có nộp 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) đã nộp xong và chi phí hết. Trong vụ án này bà S được chấp nhận yêu cầu nên cần buộc ông Trần Thanh V phải chịu và nộp hoàn trả cho bà S số tiền trên.

[4]. Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, ông V được miễn án phí, bà K cùng các con tên T1 và T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483; Điều 227, Điều 228, Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 169, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai 2013

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S về việc tranh chấp “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về việc sử dụng đất*” với ông Trần Thanh V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1.

1.1. Buộc ông Trần Thanh V cùng vợ là bà Nguyễn Thị K và các con tên Trần Thanh T và Trần Thanh T1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc sử dụng đất đối với bà Trần Thị S về quyền sử dụng đất tại các thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 271539, CC 271538 ngày cấp 19/7/2017. Bà Trần Thị S được thực hiện các quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai tại Điều 166 Luật đất đai 2013.

1.2. Buộc ông Trần Thanh V cùng vợ là bà Nguyễn Thị K và các con tên Trần Thanh T và Trần Thanh T1 tháo dỡ toàn bộ các biển ghi: “*Đất tranh chấp*” cấm trên các thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 271539, CC 271538 ngày cấp 19/7/2017 do bà Trần Thị S đứng tên. Hiện trạng đất có bờ thửa rõ ràng đúng theo trích lục bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức H cấp ngày 24/3/2023.

2. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S gồm:

2.1. Công nhận quyền sử dụng đất thửa 41 diện tích 2.585m² loại đất LUA và thửa 19 diện tích 2.842,3m² loại đất LUA tất cả thuộc tờ bản đồ 25 xã H, huyện Đức H, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của bà S.

2.2. Buộc ông Trần Thanh V phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà S với số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) số tiền mà bà bỏ ra trả lại tiền cọc cho bà Nguyễn Thị Phụng

3. Về chi phí thẩm định: Buộc ông Trần Thanh V phải chịu 6.000.000 đồng và phải nộp lại hoàn trả cho bà Trần Thị S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu

thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Thanh V được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị K cùng các con Trần Thanh T1 và Trần Thanh T mỗi người phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại bà Trần Thị S tạm ứng án phí 15.300.000 đồng theo các biên lai số 0007569 và 0007570 cùng ngày 19/12/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức H.

5. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức H;
- Chi cục THA huyện Đức H;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

